

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY**

Ban hành kèm Quyết định số 1935 /QĐ-ĐHTL ngày 03/10/2022 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK8*	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			43									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Mác-Lênin	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Mác-Lênin	3	3								
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác-Lênin	2		2							
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Mác-Lênin	2			2						
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2					
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2				
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skill and Entrepreneurship	SSE111	Phát triển kỹ năng	3						3			
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			21									
8	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	ITI111	Tin học và Kỹ thuật tính toán	2	2								
9	Hóa học đại cương	General Chemistry	CHEM112	Kỹ thuật hóa học	3		3							
10	Giải tích hàm một biến	Single Variable Calculus	MATH111	Toán học	3	3								
11	Giải tích hàm nhiều biến	Multivariable Calculus	MATH122	Toán học	3		3							
12	Nhập môn đại số tuyến tính	Introduction to Linear Algebra	MATH232	Toán học	2		2							
13	Vật lý 1	Physics 1	PHYS112	Vật lý	3		3							
14	Vật lý 2	Physics 2	PHYS223	Vật lý	3			3						
15	Phương trình vi phân	Differential Equations	MATH243	Toán học	2			2						
I.4	Tiếng Anh	English			6									
16	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
17	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								

[illegible]

[illegible]

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK8*	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
15	Đồ án công trình đường thủy	Project of Waterway structures	PWS428	Công trình biển và đường thủy	1								1	
16	Công trình bảo vệ cảng và đập phá sóng	Port Protection Works and Breakwaters	PPWB418	Công trình biển và đường thủy	2								2	
17	Công trình trên hệ thống thủy lợi	Structures in Hydraulic Systems	SHS418	Thủy công	2								2	
18	Đồ án đập đất	Project of Embankment Dams	PED428	Thủy công	1								1	
19	Đồ án đập bê tông	Project of Concretet Dams	PCD438	Thủy công	1								1	
20	Đồ án công trình trên hệ thống thủy lợi	Project of Structures in Hydraulic Systems	PSHS428	Thủy công	1								1	
21	Quy hoạch hệ thống thủy lợi	Water Resources System Planning	PMWR437	Kỹ thuật tài nguyên nước	2								2	
22	Đồ án thiết kế đê và công trình bảo vệ bờ sông	Project of Dikes and River Bank Protection Design	PDR428	Thủy công	1								1	
23	Đồ án thiết kế công trình bảo vệ bờ biển	Project of coastal protection structures	BBSP428	Công trình biển và đường thủy	1								1	
24	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật biển	Applied informatics in coastal engineering	AICE418	Công trình biển và đường thủy	2								2	
25	Quản lý biển và đới bờ	Marine and Coastal Management	MCM418	Công trình biển và đường thủy	2								2	
26	Quy hoạch và ra quyết định trong kỹ thuật biển	Physical planning and decision making	PPDM418	Công trình biển và đường thủy	2								2	
	Tổng cộng (I + II)	Total (I + II)			155	12	18	20	19	19	19	16	17	15